

MỐI GIAO LƯU VĂN HÓA GIỮA CÁC SỨ THẦN ĐẠI VIỆT – TRIỀU TIÊN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN THANH NHÀN*

Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992, nhưng trong quá khứ, từ nhiều thế kỷ trước, hai dân tộc đã có được những mối dây liên hệ thân thiết, tính từ thời điểm hai hoàng tử họ Lý có mặt trên bán đảo Triều Tiên (khoảng thế kỷ XII).

Trong suốt quãng thời gian 900 năm, tuy mối quan hệ không phải lúc nào cũng thuận lợi, suôn sẻ nhưng dường như có một sợi dây vô hình, âm thầm kết nối tình đoàn kết giữa hai dân tộc. Hai hoàng tử dòng họ Lý (Lý Dương Côn và Lý Long Tường) mở đầu quan hệ giữa hai dân tộc bằng những dấu son đỏ thắm. Các sứ thần Đại Việt đã duy trì quan hệ thân thiết đó bằng mối liên hệ rất ý nghĩa với các sứ thần Triều Tiên khi gặp nhau trên đất Trung Hoa. Phan Bội Châu¹, Nguyễn Ái Quốc đã củng cố chuỗi liên hệ ấy trong mối giao lưu với các nhà cách mạng Triều Tiên, hai quốc gia “đồng bệnh, tương liên” cùng đấu tranh cho độc lập của dân tộc. Bắt đầu là quan hệ giữa hai dân tộc trong quá khứ để thấy rằng mặc dù chưa có những ghi chép chính thức về mối quan hệ trực tiếp giữa Đại Việt và Triều Tiên nhưng mối liên hệ giữa các sứ thần Đại Việt – Triều Tiên trên đất Trung Hoa là một dấu gạch nối ý nghĩa trong quan hệ Việt – Hàn.

1. Mối giao lưu giữa sứ thần Đại Việt – Cao Ly

Trước khi các sứ thần Triều Tiên – Đại Việt giao lưu với nhau, vào thời Cao Ly,

đã có một sứ thần Đại Việt gặp gỡ sứ thần Cao Ly trên đất Trung Hoa và để lại ấn tượng sâu đậm. Dư âm của sự kiện đó, còn kéo dài đến tận ngày nay. Người ấy là sứ thần Mạc Đĩnh Chi.

Mạc Đĩnh Chi sinh năm 1272, đậu Trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) đời Trần Anh Tông (1293-1324). Ông là một nhân tài, trải quan 3 triều vua: Trần Anh Tông, Trần Minh Tông và Trần Hiến Tông. Suốt 40 năm (1304-1342) ông đều giữ chức quan to trong triều.

Năm 1308, Mạc Đĩnh Chi được cử đi sứ sang nhà Nguyên², lưu lại Bắc Kinh một thời gian, ông gặp Trạng nguyên Cao Ly. Hai Trạng nguyên Đại Việt - Cao Ly trở thành đôi bạn tâm đắc, thường cùng nhau xướng họa. Trạng nguyên Chánh sứ Cao Ly cảm kích, ngưỡng mộ Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã mời ông qua thăm Cao Ly. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi nhận lời và lưu lại kinh đô Hán Thành (Seoul) một thời gian.

Trạng nguyên Cao Ly đã giới thiệu cháu gái của mình kết duyên với Mạc Đĩnh Chi làm thứ thất. Ở lại Cao Ly bốn tháng, Mạc Đĩnh Chi về Trung Quốc đem theo bà thứ thất ấy. Năm năm sau, bà trở về Cao Ly cùng với một con trai và một con gái. Khoảng mười năm sau, Mạc Đĩnh Chi lại sang Cao Ly một lần nữa. Lần này, ông lưu lại Cao Ly sáu tháng. Sau đó bà thứ thất mang thai và sinh một người con trai. Người Cao Ly rất yêu mến ông, bởi tư chất thông minh, xuất chúng. Bà thứ thất của Mạc Đĩnh Chi chịu thương, chịu khó nuôi

* TS. Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Sài Gòn.

dạy các con. Bà đã dựng vợ, gả chồng và thường ở với người con trai út. Sau đó, bà từ biệt con cháu vào chùa, hưởng thọ 93 tuổi. Một vài tài liệu cho rằng hai ngành trưởng và thứ của họ Mạc rất thành đạt ở Cao Ly. Người con trai cả làm đến chức quan võ, sinh được 12 người con: 8 trai, 4 gái... Ngành trưởng này phần đông là người giàu có. Ngành thứ, sau này sinh ra nhiều nhân tài, phần nhiều là người trung nghĩa, liêm khiết.

Sự kiện trên do một vài tờ báo ở Việt Nam đã đề cập đến. Trong đó đáng chú ý nhất là bài viết của nhà báo Lê Khắc Hoà, in trong *An Nam tạp chí* số 4, năm 1926. Ông cho biết chính ông đã gặp hậu duệ của Mạc Đĩnh Chi từ Cao Ly về Việt Nam trên một chuyến xe đi phủ Khoái Châu (Hưng Yên), nhân dịp ông về thăm gia đình. Khi xe chạy đến gần Đình Dù thì xe hơi hỏng máy, ông cùng với người Cao Ly vào nghỉ trong một lều tranh bên đường, đem giấy và bút chì ra bút đàm cùng nhau. Câu chuyện trên là do người Triều Tiên ấy kể lại. Tiếp đó, năm 1965 có một người Đại

Hàn mang công văn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Giáo dục và giấy giới thiệu của Đại sứ Đại Hàn ở Sài Gòn tới Nha Văn hóa của chính quyền Sài Gòn nhờ tìm hậu duệ của họ Mạc.

Mặc dù có những thông tin như vậy, nhưng việc Mạc Đĩnh Chi để lại di duệ ở Cao Ly dĩ nhiên còn phải được nghiên cứu trên cơ sở các tài liệu lịch sử và gia phả của dòng họ Mạc ở cả hai nước để tìm ra những bằng chứng xác thực. Bởi vì sự kiện Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang nhà Nguyên ở Trung Hoa, gặp sứ thần Cao Ly và được mời sang thăm Cao Ly đã có một số sử sách cũ ghi chép như *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*... nhưng việc Mạc Đĩnh Chi để lại di duệ trên đất Cao Ly thì không thấy chính Việt Nam sách nhắc đến.

2. Mối giao lưu văn hóa giữa sứ thần Đại Việt – Triều Tiên

Sau sự kiện trên, từ thế kỷ XV đến XIX, tác giả Ku Su Jeong (Hàn Quốc) đã thống kê có ít nhất 11 cuộc tiếp xúc giữa các sứ thần Đại Việt và Triều Tiên.

Bảng: Các cuộc tiếp xúc giữa sứ thần Đại Việt và Triều Tiên thời trung đại

STT	Đại Việt	Triều Tiên	Thời gian	
			Đại Việt	Triều Tiên
1	Lê Thời Cử	Tào Thân	Thời Hậu Lê	Trung kỳ
2	Phùng Khắc Khoan	Lý Toái Quang Kim Tiêu Dật sĩ		
3	Nguyễn Công Hãng	Du Tập Nhất Lý Thế Cận	Thời Hậu Lê	Hậu kỳ
4	Nguyễn Tông Quai	Lý Hiệu Lý Mạc Tư Gia		
5	Lê Quý Đôn Trần Huy Mật Trịnh Xuân Chú	Hồng Khải Hy Triệu Vĩnh Tiên Lý Huy Trung		
6	Hồ Sĩ Đống	Sứ bộ Triều Tiên		
7	Phan Huy Ích Vũ Huy Tấn	Từ Hạo Tu Lý Bách Hanh	Thời Tây Sơn	Hậu kỳ

8	Nguyễn Đoàn Tuấn	Từ Hạo Tu	Thời Nguyễn	Hậu kỳ
9	Nguyễn Đê	Lý Bách Hanh Từ Hữu Phòng Lý Nguyên Hạnh		
10	Nguyễn Tư Giản	Nam Đình Thuận Triệu Bình Cáo		
11	Nguyễn Thượng Hiền	Kim Bí Thư		

Nguồn: Ku Su Jeong, *Mối quan hệ Việt – Hàn trong và sau chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam 1955-2005*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Trong các cuộc gặp gỡ như vậy, sứ thần hai nước đã thường xuyên bút đàm, đối đáp, xướng họa thơ văn. Có thể coi đó là những hoạt động ngoại giao văn hóa, tạo dựng quan hệ hữu nghị lâu bền giữa hai dân tộc. Trong thời gian này, các sứ thần Đại Việt đã sử dụng bối cảnh ngoại giao để tôn vinh giá trị văn hóa dân tộc, giao lưu, trao đổi về sứ thần Triều Tiên ngày càng hiểu biết, tôn trọng các giá trị lịch sử và bản sắc văn hóa của Đại Việt.

2.1. Sứ thần Triều Tiên với văn hóa Việt

Trong một lần đi sứ sang Trung Hoa, Lê Thời Cử đã có cơ hội giải thích cho sứ thần Triều Tiên, Tào Thân³ hiểu rõ hơn về tên gọi “Giao Chỉ”. *Bại quan tạp ký* của Ngưu Thúc Quyền⁴ đã ghi lại cuộc gặp gỡ và câu chuyện của sứ thần Tào Thân và Lê Thời Cử. Tào Thân hỏi: “Giao Chỉ có phải là hai ngón chân đối nhau không?” Lê Thời Cử đã giải thích: Giao Chỉ⁵ vốn là tên một quận xưa kia, phía bắc quận ấy có cửa Nam Giao và núi Nguyên Chỉ nên ghép hai chữ Giao (trong Nam Giao) và Chỉ (trong Nguyên Chỉ) mà có tên gọi Giao Chỉ.

Đoàn sứ thần Phùng Khắc Khoan cũng đã giúp cho sứ thần Triều Tiên hiểu thêm về phong tục, tập quán của người Việt. Lý Toái Quang⁶ đã từng ghi lại nhiều chi tiết liên quan đến tiếng nói, trang phục của người Việt. Trong bài *Hậu chí* viết cho tập thơ *Vạn Thọ thánh tiết khánh hạ* ông viết “người Việt nhuộm răng đen, vấn tóc thành

búi, đi chân không, tính tình hiền lành, quan chức mặc áo dài, ống tay rộng, người thường mặc áo ngắn, may bằng the lụa, không mặc gấm vóc, hay áo bông”. Những ghi chép chi tiết của Lý Toái Quang hẳn là những tư liệu quý về văn hóa và phong tục người Việt thế kỷ XVI. Thú vị hơn nữa khi chúng ta biết, sau chuyến đi sứ Trung Hoa, Lý Toái Quang được vua Triều Tiên mời vào triều hỏi về phong tục tập quán của người Việt và yêu cầu ông ghi lại các bài thơ xướng họa với sứ thần An Nam⁷. Điều này cho thấy triều đình Triều Tiên lúc đó đã chú ý tìm hiểu Đại Việt, quốc gia ở cách xa Triều Tiên hàng nghìn dặm.

Về sau này, *Đồng văn vịnh khảo phổ biên*, quyển 5, mục Sứ thần biệt đơn, cũng có ghi sơ lược về nhận xét của Chánh sứ Hồng Khải Hy⁸ và Phó sứ Triệu Vĩnh Tiên về đoàn của Lê Quý Đôn: “Nước An Nam, Nam Chưởng (quan lại nước Nam) đã có chế độ về mũ áo. Người An Nam lấy lụa mỏng, tơ vàng làm mũ áo, hơi giống với nước ta, chỉ có điều họ búi tóc. Mũ làm bằng gấm vàng như Thác Tử (đeo thêm một đoạn đuôi), trang điểm thêm vàng để rủ ra phía sau, tóc buông xuống. Cách ăn mặc của người phương Nam đại thể khác xa như thế”.

Như vậy, có thể thấy các sứ thần Đại Việt vừa là nhà ngoại giao, vừa là đại biểu cho văn hóa dân tộc. Trong hoạt động ngoại giao, họ đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý quan hệ hai nước Đại Việt

– Trung Hoa. Trong giao lưu với các nước khác, họ góp phần tăng cường mối tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Trong hoạt động văn hóa, họ là những nhà thơ, là đại biểu cho văn hóa dân tộc. Tài năng, nhân phẩm, cốt cách của họ đã làm cho sứ thần Triều Tiên nể trọng. Lê Quý Đôn đã từng viết: “Mừng thấy sự khổ công của mình ngày trước đi sứ đã mang lại điều có ích, có sách để người ngoài đọc. Các bậc thức giả thường từ một bông hoa mà thấy cả vườn cây, từ một người mà suy ra cả nước”. Lê Quý Đôn đã cho rằng văn hóa, cốt cách của một dân tộc, được chiếu rọi qua tài năng, tâm hồn, trí tuệ và nhân cách của cá nhân đại diện.

Thật vậy, trong chuyến đi sứ, Phùng Khắc Khoan đã khiến cho Lý Toái Quang, tác giả bộ *Chi Phong tập* (được xem là Bách Khoa toàn thư của Triều Tiên) hiểu thêm và đem lòng khâm phục người Việt. Trong đề tựa *Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập* của Phùng Khắc Khoan, Lý Toái Quang viết khá cận kề: Trong khoảng trời đất, có lớp tinh khí sáng trong lành, hoặc chung đúc vào muôn vật, hoặc chung đúc vào người ta. Cái khí ấy chung đúc đầy rẫy khắp nơi, tất sinh ra những tài kỳ lỗi lạc, không hẳn chỉ ở nơi gần mà có khi ở nơi xa, không phú bẩm cho muôn vật mà phú bẩm vào con người ta.... “Tôi nghe nói Giao Châu là nơi cực Nam có nhiều cửa lạ, châu báu, vàng ngọc, đồi mồi, ngựa voi, tê giác. Thế cho nên, cái khí tinh anh trong lành đặc biệt chung đúc ở đó, có người kỳ tài sinh ra ở đây, há chỉ những cửa lạ mà thôi đâu”. Lý Toái Quang đã bày tỏ lòng cảm phục đối với người Việt. Ông đã miêu tả Phùng Khắc Khoan “đầu tóc bạc phơ, thân hình gầy guộc, tuổi 70 mà dung nhan như còn trẻ, đường đi xa mà chân cứng đá mềm”. Lý Toái Quang cũng đã ca ngợi tài năng của Phùng Khắc Khoan “*Tập thơ Vạn thọ thánh tiết khánh hạ* của ông Phùng lời lẽ hồn hậu, ý tứ sâu rộng, khác gì nhả ngọc

phun châu, âm điệu ròn rã như tiếng vàng tiếng ngọc, há không nói được là dị nhân đó sao”. Lý Toái Quang đã không ngần ngại khi viết “tôi sinh ra ở phương Đông, được tiếp chuyện ông (Phùng Khắc Khoan), xem văn từ của ông, giặt mình hoảng hốt như cưỡi xe mây, thần hồn nhớn nhoe nơi biển lửa, chân đi đến chỗ cột đồng, thực là may lắm, đâu dám thoái thác là không làm được văn mà từ chối. Vậy làm bài tựa này”.

Đến năm 1761, trong lời đề tựa cho tập *Quần thư khảo biện* của Lê Quý Đôn, Hồng Khải Hy đã viết: “...Tôi đã được thấy sách này là một điều mới lạ...đúng là loại văn tự tuyệt kỳ... Sự kỳ thác viết lời đầu sách, rất biết mình không dám tự đảm đương. Nhưng có lời chỉ bảo gửi tới chân thành, nên gọi là chấp vá mấy hàng, tự thấy mình đã bội nhọ lên trán Phật. Một lần nữa Khải Hy vái lạy”.

Phó sứ Triều Tiên cũng viết thư gửi Lê Quý Đôn: “...Ông gia ơn cho xem *Quần thư khảo biện*, tôi kính cẩn xem hết gốc, ngọn. Đây là những điều xảy ra từ trái tim con mắt, lời đạt, ý xuôi, đại thể như cái gương, cái cân... Người quân tử nước An Nam, khiến người đọc khâm phục, ngợi ca, mà lời Chánh sứ nước tôi đề trên đầu sách cũng đủ phát huy muôn một... Hành đài tri chế giáo nước Triều Tiên Lý Huy Trung vái lạy”.

Như vậy là, Hồng Khải Hy cũng đánh giá cao tác phẩm *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm* của Lê Quý Đôn nên đã viết lời tựa cho hai tác phẩm này. Trong lời đề tựa cho *Quần thư khảo biện*, Hồng Khải Hy khen ngợi: “học thuật của ông (Lê Quý Đôn) rất thuần chính mà văn lý cũng thuận hòa... lẽ không chỗ nào không đủ, lý không chỗ nào không cùng”.

Ở cuối lời tựa cuốn *Quần thư khảo biện*, Hồng Khải Hy đã đề cập tới những điểm

giống nhau, điểm chung trong học thuật của Nho sĩ hai nước, đó là cùng chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa: “thế rồi ở bên đông biển đông tâm lý ấy mà bên nam biển nam cũng tâm lý ấy, không khác gì nhau, đó là chỗ chứng nghiệm”.

Lý Huy Trung, phó sứ của đoàn sứ bộ Triều Tiên, khi viết lời tựa cho tập thơ *Bách Vịnh* của sứ thần Đại Việt cũng bày tỏ tình cảm “Ngài đã hạ cố ban cho lời văn sinh tươi, gặp gỡ phương trời, được lời vàng ngọc phương Nam, vang đến ngân nga mang về Đông Thổ”.

Có thể nhận thấy, bên cạnh việc thực hiện sứ mệnh ngoại giao, các sứ thần Đại Việt đã làm cho người Triều Tiên hiểu và chân thành tiếp nhận văn hóa dân tộc mình, đồng thời tìm ra những nét tương đồng về văn hóa của hai nước để từ đó xích lại gần nhau hơn, xây dựng tình hữu nghị, hợp tác vững chắc, lâu dài hơn.

2.2. Sứ thần Đại Việt với văn hóa Triều Tiên

Thông qua những lần tiếp xúc ấy, các sứ thần Đại Việt cũng có cái nhìn cận cảnh hơn về lịch sử Triều Tiên. Trong phần mở đầu cuốn *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn viết: “Nước Cao Ly về thời Đường thuộc An Đông đô hộ phủ. Đến thời Thạch Tấn, Vương Kiến mới khôi phục lại bao gồm Tân La và Bách Tế vào trong bản đồ. Trải qua đời Tống, đời Nguyên đến đầu đời Minh, Thái Tổ mới bị diệt. Họ Lý lên ngôi lấy niên hiệu cũ là Triều Tiên. Từ Đại Minh đến nay trải qua gần 900 năm, mới chỉ có hai họ ở ngôi vua, đó cũng là điều khiến Trung Quốc phải hổ thẹn. Người dân hiền lành cần thận, ham đọc sách, thạo văn học, trọng nghi lễ”. Lê Quý Đôn không chỉ biểu lộ sự ngạc nhiên của mình về việc vương triều Triều Tiên chỉ thay đổi hai lần

trong vòng 900 năm, mà còn đánh giá tốt phong cách của người Triều Tiên.

Trong *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn dùng những lời hay ý đẹp để nói về sứ thần Triều Tiên. Dưới đây là phần trích dẫn một số đoạn nhỏ: “Kẻ quê mùa này có tác phẩm kém cỏi là *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục*, cùng *Tiêu tương bách vịnh thi*. Hồng Thượng thư có giúp đỡ. Lý học sĩ cũng viết tựa cho *Bách vịnh tự thi*. Về sau lại đưa cho quan Khâm sai, Bạn Tống Lang Trung là Tần Triều Châm xem giúp, họ Tần khen là có văn phong hay, sắc thái sáng sủa”.

Trong *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn viết một đoạn dài, với những lời lẽ cảm động, tả lại cuộc gặp giữa sứ thần Đại Việt với Triều Tiên và “Ở Hồng Lô quán, trải chiếu mời nhau ngồi, dùng giấy bút để nói chuyện, tình hiếu trở nên gắn bó với nhau. Sau khi trở về sứ quán, họ (sứ thần Triều Tiên) liền sai hai thiếu khanh đem phẩm vật địa phương cho chúng tôi. Sang đầu năm mới lại sai ba người con là Hồng Toàn Hối, Triệu Quang Quý là Lý Trích Phụng đến chúc tết. Chúng tôi ở Yên Kinh hai tháng, những thư từ lật vật trao đổi lẫn nhau có nhiều điều đáng lấy làm thích ý”.

Sau khi về nước, Lê Quý Đôn nhiều lần thuật lại các cuộc tiếp xúc với sứ bộ Triều Tiên trong *Bắc sứ thông lục*, *Kiến văn tiểu lục*, chép lại 8 bức thư của sứ thần Triều Tiên gửi cho sứ thần Đại Việt. Lê Quý Đôn đã đưa các bài thơ của sứ thần Triều Tiên vào *Toàn Việt thi lục*. Trên 40 trang tư liệu văn xuôi của Lê Quý Đôn viết về các cuộc gặp gỡ sứ thần Triều Tiên⁹. Điều đó cho thấy, Lê Quý Đôn trân trọng tình cảm nồng hậu giữa các thành viên của hai đoàn sứ bộ.

Tóm lại, những lần gặp gỡ, cùng các văn thơ đối đáp, xướng họa giữa các sứ thần Đại Việt – Triều Tiên là bằng chứng lịch sử về mối giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc Việt - Hàn. Mối tương đồng về văn tự,

văn hóa là một yếu tố thúc đẩy tạo nên sự gần gũi, làm cơ sở cho những cuộc tiếp xúc giữa các sứ thần Đại Việt – Triều Tiên. Sự gặp gỡ và kính phục lẫn nhau giữa sứ thần Đại Việt – Triều Tiên khi cả hai nước đến triều cống Trung Hoa, là sự đồng cảm của tầng lớp trí thức có lòng tự tôn dân tộc, bản lĩnh, chân thành, là ý thức về mối tương đồng văn hóa giữa hai dân tộc.

Những lần gặp gỡ của sứ thần hai nước cũng là minh chứng sinh động, là bài học kinh nghiệm trong bối cảnh hội nhập của thời hiện đại. Mối giao lưu và tiếp xúc giữa các dân tộc ngày càng rộng mở, đa dạng thì văn hóa đối ngoại, trong đó ngoại giao văn hóa được đề cập như là một trong những phương châm nhằm thực hiện tối đa các lợi ích của dân tộc.

Chú thích

1. Mối liên hệ đầu tiên giữa Phan Bội Châu với Triều Tiên phải kể đến tác phẩm *Vong quốc sử* của Phan Bội Châu (viết trong thời gian hoạt động ở Nhật) đã được dịch và in lại ở Triều Tiên năm 1906. Tác phẩm của ông đã được độc giả Triều Tiên đón nhận nhiệt tình (nhất là sau khi hòa ước bảo hộ Ất Ty được ký kết) vì sự đồng cảm của những người dân mất nước. Còn ở Việt Nam, tác phẩm *Cao Ly vong quốc sử* của các tác giả Triều Tiên được dịch và sử dụng làm tài liệu giảng dạy của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Tháng 10.1908, Phan Bội Châu vận động thành lập *Hội đồng minh Đông Á* nhằm tập hợp những người Châu Á mất nước cùng nhau tìm đường giành độc lập. Hội chủ trương đoàn kết với những người có cùng cảnh mất nước của các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Philippin. Phan Bội Châu cho rằng người Triều Tiên tham gia vào hội này là Triệu Tổ Ngang.

Tháng 8.1912, Phan Bội Châu lại đứng ra vận động thành lập *Hội Chấn Hoa hưng Á* trên đất Trung Quốc. Hội có 200 người tham gia. Mục đích của hội là liên hiệp những người cách mạng Trung

Quốc với cách mạng Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc. Chương trình hoạt động của *Hội Chấn Hoa hưng Á* quy định như sau: “Bước 1: viện trợ Việt Nam; bước 2: viện trợ Ấn Độ và Miến Điện; bước 3: viện trợ Triều Tiên”

2. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép “Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Trung Hoa năm 1308”. Lịch triều Hiến chương loại chí ghi “ông đi sứ năm 1308, 1324”. *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* chép sơ giản “tháng 11 năm Mậu Thân (1308), vua Trần Anh Tông sai sứ sang nhà Nguyên (Trung Hoa). Vũ Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư An Lỗ Uy sang báo. Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng” (Cương mục, Q. IX, t.2). Mạc Đĩnh Chi còn đi sứ lần thứ hai vào năm Nhâm Tuất (1322) nhân vua Nguyên Anh Tông lên ngôi, vua Trần Anh Tông cử sứ sang chúc mừng (Cương mục, Q.IX, tr.19). Theo các nguồn tài liệu trên thì rất có khả năng Mạc Đĩnh Chi có 3 chuyến đi sứ sang Trung Hoa.

3. Tào Thân là một nhà ngoại giao xuất sắc dưới triều vua Trung Tông (1506 – 1544) Triều Tiên thế kỷ XV. Ông từng đi sứ sang Nhật Bản 3 lần, sang Trung Hoa 7 lần.

4. *Bại quan tạp ký* là tập tùy bút của học giả Ngự Thúc Quyền. Đây là một tư liệu có giá trị để nghiên cứu lịch sử sơ kỳ của Triều Tiên. *Bại quan* là một viên quan chuyên sưu tầm và ghi chép lại những sự kiện diễn ra trong dân gian, giúp nhà vua hiểu được đời sống của người dân và những việc xảy ra bên ngoài. Ngự Thúc Quyền là một học giả, nhà văn thời sơ kỳ của lịch sử Triều Tiên. Ông rất thông thạo tiếng Hán nên năm 1536 và 1541 được cử đi theo sứ thần Triều Tiên sang Trung Hoa. Tác phẩm chính của ông gồm *Bại quan tạp ký* 6 quyển, *Đại đông dã thừa*, *Hải đông dã ngôn*...

5. Tên gọi Giao Chỉ có nhiều cách giải thích khác nhau, cho đến nay vẫn chưa xác định được cách giải thích nào là chính xác, cũng chưa xác minh được lý giải của Lê Thời Cử có đúng hay không. Tuy nhiên, ông đã đưa ra một cách giải thích có căn cứ.

6. Lý Toái Quang hiệu là Chi Phong, sinh năm 1563, mất năm 1628, đỗ tiến sĩ năm 1582, ba lần đi

sứ sang Trung Hoa. Tập thứ hai (quyển 8) trong 20 cuốn *Chi Phong tập*, có tựa đề là *An Nam sứ thần xướng họa vấn đáp lục*. Trong đó có ghi năm 1590 ông gặp sứ thần Đại Việt ở Yên Kinh nhưng không nêu rõ tên. Bảy năm sau, năm 1597, ông đi sứ sang Trung Quốc và gặp Phùng Khắc Khoan. Phùng Khắc Khoan gặp Lý Toái Quang lúc Phùng Khắc Khoan 70 tuổi còn Lý Toái Quang mới chỉ 35 tuổi nhưng hai người đã trở thành bạn vong niên, chân tình, khăng khít. Hai ông đã xướng họa với nhau hàng chục bài thơ.

7. Tác phẩm *Mai Lĩnh sứ Hoa thi tập* gồm hàng trăm bài, Phùng Khắc Khoan viết trong thời gian đi sứ, đề tài chủ yếu là vịnh người, vịnh cảnh, vịnh vật và trao tặng, đối đáp với vua quan Trung Quốc, sứ thần Triều Tiên. Đặc biệt ở đây có chùm thơ xướng họa của Phùng Khắc Khoan với sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang. Nhà Việt học người Nga, Giáo sư Tiến sĩ N. I. Niculin xác định: “Các cuộc gặp gỡ được xem là có ý nghĩa lịch sử trong quan hệ văn hóa Việt Nam - Triều Tiên đã diễn ra ở Bắc Kinh từ năm 1597 (Đinh Dậu), trong thời kỳ gian khổ của nhân dân Triều Tiên tiến hành cuộc chiến tranh Im-đin chống quân xâm lược Nhật. Vị đại thần danh tiếng, sứ thần Việt Nam Phùng Khắc Khoan [...] đã làm quen và kết bạn với nhà thơ Triều Tiên Lý Toái Quang (Li Xuevan, 1563-1628)”.

8. Sách *Quốc triều bản mục*, quyển 16 có chép: “Năm Đinh Ty (1737) Hồng Khải Hy tự là Thuần Phủ, hiệu là Đàm Oa, đỗ Trạng nguyên Biệt thi văn khoa”. Từng qua các chức: Chính ngôn, Tham nghị bộ công, Đại ti thành... thời vua Anh Tổ. Năm 1770 cùng với nhà bác học Hồng Phụng Hán tham gia biên soạn “*Đông Quốc văn hiến bị khảo*” gồm 100 cuốn, 40 tập.

9. Các sứ thần Đại Việt gặp gỡ và làm thơ xướng họa với các sứ thần Triều Tiên trong chuyến đi sứ Trung Quốc có: Phùng Khắc Khoan với những bài như *Đáp quốc sứ Triều Tiên Lý Toái Quang*, *Họa sứ thần Lý Chi Phong*, *Mai Nam Nghị Trai tiêu thứ Triều Tiên quý quốc Lý Sứ Công thi vận* vv... Nguyễn Tông Quai viết những bài như *Gửi Triều Tiên quốc sứ*, *Khởi trình Viên Minh Viên lại gửi Triều Tiên quốc sứ* vv... Nguyễn Công Hãng có bài thơ *Gửi Triều Tiên quốc sứ thần Dụ Tập Nhất*,

Lý Thế Cẩn. Lê Quý Đôn viết những bài thơ như *Gửi Triều Tiên quốc sứ thần Hồng Khải Hy*, *Triệu Vĩnh Tiên*, *Lý Huy Trung*. Phan Huy Ích, Nguyễn Đăng, Hồ Sĩ Đống và Nguyễn Đề vv... cũng làm một số bài thơ xướng họa với các sứ thần Triều Tiên sang sứ Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Bút Ngữ, 2012. *Sứ thần Trung Quốc, Triều Tiên đề tựa sách Lê Quý Đôn*, Tạp chí *Hồn Việt*, số 56 (52), Tháng 3, tr. 36-37.
2. Hội khoa học lịch sử Việt Nam, 1997. *Người Việt Nam ở Triều Tiên và mối giao lưu văn hóa Việt – Triều trong lịch sử*, Hà Nội.
3. Ku Su Jeong, 2008. *Mối quan hệ Việt – Hàn trong và sau chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
4. Lê Quý Đôn, 1977. *Toàn tập*, tập II, *Kiến văn tiểu lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lý Xuân Chung, 2009. *Hậu duệ Mạc Đĩnh Chi có ở Hàn Quốc?* Tạp chí *Hồn Việt*, số 57, tháng 7.
6. Ngô Sĩ Liên và các sứ thần triều Lê, 1985. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Minh Tuân, 1999. *Thêm bốn bài thơ xướng họa giữa Lê Quý Đôn với sứ thần Triều Tiên*, Tạp chí *Hán Nôm*, số 4 (41).
8. Vũ Hiệp, 1996. *Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có hậu duệ ở Cao Ly từ thế kỷ thứ XIV đến nay*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2.
9. Đỗ Thu Thủy, 2011. *Ba đặc trưng cơ bản trong hoạt động ngoại giao văn hóa Việt Nam thời trung đại*, Trang web của Đại học Sư Phạm Hà Nội, http://user.hnue.edu.vn/index.php?page=news&uid=118&news_id=675
10. Taro Shimizu, 2011. *Cuộc gặp gỡ sứ thần của Việt Nam và Triều Tiên ở Trung Quốc trọng tâm là chuyện xảy ra trong thế kỷ XVIII*, Trang web của Hội Nhà văn Tp. Hồ Chí Minh, <http://nhavantphcm.com.vn/hoat-dong-hoi/tu-lieu-van-hoc/cuoc-gap-go-su-than-viet-trieu-o-trung-quoc.html>.

